

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2026/HS-ST

Ngày: 12-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Nga;
- Bà Nguyễn Thị Kim Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang Q, sinh năm 2005, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: Thôn I, xã E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1974 và bà Lê Thị C, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; ngày 12/10/2025, bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Vũ Huy C1, sinh năm 1967; nơi thường trú: Tổ A, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đỗ Trọng T1, sinh năm 1997; nơi thường trú: Tổ I, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Cầm đồ Thành C2; địa chỉ: Đường D, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Võ Thị Thu D**, sinh năm 1982; nơi thường trú: **Tổ A, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Là đại diện hộ kinh doanh; vắng mặt.

3. Ông **Vũ Thành C2**, sinh năm 1996; nơi thường trú: **Tổ G, ấp B, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai)**; địa chỉ liên hệ: **Tổ A, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2025, **Nguyễn Quang Q** đến ở trọ tại phòng trọ số B, nhà T, cạnh đường D thuộc khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, làm công nhân sinh sống.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/10/2025, **Nguyễn Quang Q** đi bộ đến **Cầm đồ T, cạnh đường D thuộc khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Tại đây, **Q** cầm cố 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro dung lượng 128GB màu tím và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 720249013190 mang tên **Nguyễn Quang Q** do **Sở Giao thông Vận tải tỉnh T** cấp ngày 16/8/2024 của **Q** với số tiền 9.000.000 đồng cho ông **Vũ Huy C1** là chủ cầm đồ. Sau đó, ông **C1** sử dụng tài khoản số 14013317 **Ngân hàng TMCP Á (A)** của ông **C1** chuyển khoản số tiền 9.000.000 đồng vào tài khoản số 8882896928 **Ngân hàng TMCP Đ (B)** của **Nguyễn Quang Q**. Sau khi nhận được tiền, **Q** mượn lại điện thoại để chuyển hết số tiền vừa cầm cố được vào tài khoản game (không rõ số tài khoản) của **Q** rồi trả lại điện thoại cho ông **C1**.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 11/10/2025, **Q** nảy sinh ý định chiếm đoạt lại điện thoại di động Iphone 14 Pro dung lượng 128GB màu tím đã cầm cố cho **Cầm đồ Thành Chung**. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, **Q** đi bộ từ phòng trọ số 23, **nhà trọ T2, cạnh đường D thuộc khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** nơi **Q** thuê ở đến **Cầm đồ Thành Chung**. Tại đây, **Q** giả vờ nói với ông **Vũ Huy C1** cho **Q** chuộc lại điện thoại đã cầm trước đó. Sau đó, ông **C1** giao điện thoại cho **Q** kiểm tra. Lúc này, **Q** lợi dụng ông **C1** sơ hở vừa quay mặt vào trong quầy liền nhanh chóng cầm điện thoại chạy thoát. Ông **C1** chạy đuổi theo **Q** nhưng không kịp. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày 11/10/2025, **Q** đem điện thoại chiếm đoạt được đến **Cầm đồ Trọng Thi P, cạnh đường D thuộc khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Tại đây, **Q** cầm cố điện thoại di động Iphone 14 Pro dung lượng 128GB màu tím với số tiền 8.500.000 đồng cho ông **Đỗ Trọng T1** là chủ cầm đồ. Sau đó, **Q** yêu cầu ông **T1** sử dụng tài khoản số 967979778 **Ngân hàng TMCP Á (A)** của ông **T1** chuyển khoản số tiền 8.500.000 đồng vào tài khoản game (không rõ số tài khoản) của **Q**. Ông **T1** không biết điện thoại do **Q** phạm tội mà có nên đồng ý chuyển khoản theo yêu cầu của **Q**. Sau đó, **Q** mượn lại điện thoại để chơi game cho đến khi hết tiền trong tài khoản game của **Q** rồi trả lại điện thoại cho ông **T1**. Đến khoảng 10 giờ ngày 12/10/2025, **Q** đến **Công an phường T** đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động như trên.

Đối với bị hại ông **Vũ Huy C1**, khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày 12/10/2025, ông **C1** đến **Công an phường T** trình báo vụ việc bị **Nguyễn Quang Q** chiếm đoạt tài sản.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro dung lượng 128GB màu tím, số IMEI 1: 352130210449145, số IMEI 2: 352130210259440 của **Đỗ Trọng T1**;
- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 720249013190 mang tên **Nguyễn Quang Q** do **Sở Giao thông Vận tải tỉnh T** cấp ngày 16/8/2024 của **Vũ Huy C1**.

Cầm đồ Thành Chung do bà **Võ Thị Thu D** đứng tên đăng ký dùm ông **Vũ Thành C2**. Sau đó, ông **C2** giao lại cho ông **Vũ Huy C1** tự bỏ vốn và được toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh của Cầm đồ Thành Chung.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 16/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14Pro dung lượng 128GB màu tím, đã qua sử dụng, trị giá 11.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H, Nguyễn Quang Q** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 315/CT-VKS ngày 31/3/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo **Nguyễn Quang Q** về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh và nội dung bản Cáo trạng số 315/CT-VKS ngày 31/3/2026.

Tại phần tranh luận:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo Cáo trạng số 315/CT-VKS ngày 31/3/2026 đối với bị cáo **Nguyễn Quang Q** về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang Q** từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Trả cho ông **Vũ Huy C1**: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, dung lượng 128GB màu tím, IMEI 1: 352130210449145, IMEI 2: 352130210259440.

Trả cho bị cáo **Nguyễn Quang Q**: 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 720249013190 mang tên **Nguyễn Quang Q** do **Sở Giao thông Vận tải tỉnh T** cấp ngày 16/8/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Nguyễn Quang Q** hoàn trả cho ông **Đỗ Trọng T1** số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thống nhất với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát truy tố và đề nghị.

Bị hại ông **Vũ Huy C1** đề nghị được nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro để khắc phục một phần thiệt hại, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, không có ý kiến tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ ngày 11/10/2025, tại Cầm đồ Thành Chung của ông **Vũ Huy C1**, cạnh đường DJ5 thuộc **khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**, **Nguyễn Quang Q** đã có hành vi giả vờ nói với ông **Vũ Huy C1** cho **Q** chuộc lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14Pro, dung lượng 128GB màu tím, trị giá 11.000.000 đồng đã cầm cố với số tiền 9.000.000 đồng trước đó cho ông **Vũ Huy C1**, rồi nhanh chóng chiếm đoạt điện thoại chạy thoát để tiếp tục đem cầm cố lấy tiền chơi game.

Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp giật tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được

sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tại Cáo trạng số 315/CT-VKS ngày 31/3/2026 đối với bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền nhân thân và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã thực hiện.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin bãi nại, không truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Căn cứ tính chất mức độ, hậu quả của hành vi mà bị cáo thực hiện cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt của bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, dung lượng 128GB màu tím, IMEI 1: 352130210449145, IMEI 2: 352130210259440. Ông **Vũ Huy C1** là người đang quản lý, chiếm hữu hợp pháp chiếc điện thoại theo giao dịch cầm cố với bị cáo. Sau đó, bị cáo đã lợi dụng sự sở hữu để chiếm đoạt lại tài sản từ ông **C1**. Tại phiên tòa, ông **C1** đề nghị được nhận lại tài sản này để khắc phục một phần thiệt hại. Xét yêu cầu của bị hại là phù hợp nên chấp nhận tuyên trả lại 01 điện thoại nêu trên cho ông **Vũ Huy C1**.

Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 720249013190 mang tên **Nguyễn Quang Q** do **Sở Giao thông Vận tải tỉnh T** cấp ngày 16/8/2024. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Quang Q** xác nhận đã nhận số tiền 8.500.000 đồng từ ông **Đỗ Trọng T1** thông qua việc cầm cố chiếc điện thoại Iphone 14 Pro do phạm tội mà có. Do tài sản đã bị thu hồi để trả lại cho bị hại, thiệt hại thực tế của ông **T1** chưa được giải quyết. Xét yêu cầu của ông **Đỗ Trọng T1** về việc buộc bị cáo hoàn trả số tiền 8.500.000 đồng, đồng thời tại phiên tòa bị cáo cũng tự nguyện đồng ý bồi trả khoản tiền này. Vì vậy, cần buộc bị cáo **Nguyễn Quang Q** phải trả lại cho ông **Đỗ Trọng T1** số tiền 8.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, ông **Vũ Huy C1** không yêu cầu bị cáo **Nguyễn Quang Q** bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Đối với ông **Đỗ Trọng T1** không biết điện thoại di động hiệu Iphone 14Pro, dung lượng 128GB màu tím do **Nguyễn Quang Q** phạm tội mà có. Sau khi biết điện thoại này là của **cơ sở Cầm đồ T3** bị cướp giật, ông **T1** đã giao nộp điện thoại này và phối hợp với cơ quan công an trong công tác điều tra nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **T1** là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 136, 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang Q** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2025.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Trả cho ông **Vũ Huy C1**: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, dung lượng 128GB màu tím, IMEI 1: 352130210449145, IMEI 2: 352130210259440 (không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

Trả cho bị cáo **Nguyễn Quang Q**: 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 720249013190 mang tên **Nguyễn Quang Q** do **Sở Giao thông Vận tải tỉnh T** cấp ngày 16/8/2024.

(Thể hiện tại Biên bản giao về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/4/2026 giữa Thị hành **án dân sự Thành phố H** - Phòng Thị hành án dân sự Khu vực 18 và **Công an Thành phố H**).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Nguyễn Quang Q** hoàn trả cho ông **Đỗ Trọng T1** số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo **Nguyễn Quang Q** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ-Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Dầu Tiếng (cơ sở 1), Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cổng Thông tin điện tử của TANDTC (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Oanh